|  |  |
| --- | --- |
| TỈNH ỦY BÌNH THUẬNBAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH\* | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
| Số: -TTr/BCS |  Bình Thuận, ngày tháng 9 năm 2023 |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**VỀ ĐỀ ÁN PHẤN ĐẤU TỰ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CỦA**

**TỈNH BÌNH THUẬN ĐẾN NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

 Kính gửi: Thường trực Tỉnh ủy

Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 289/TB-VPCP ngày 19/9/2022 của Văn phòng Chính phủ, Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 11/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt tỉnh Bình Thuận, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng Đề án *“Phấn đấu tự cân đối thu, chi ngân sách tỉnh Bình Thuận đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030”*, cụ thể như sau:

1. **Sự cần thiết phải ban hành Đề án**

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận phát triển khá nhanh, tạo chuyển biến bước đầu trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng; năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp được cải thiện; năng lực sản xuất, quy mô nền kinh tế tăng đáng kể. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ cấu lại các ngành kinh tế được đẩy mạnh. Các nguồn lực đầu tư cho phát triển được huy động nhiều hơn. Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu được đẩy mạnh đầu tư, cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường; mở rộng hợp tác, liên kết thúc đẩy khai thác tốt hơn các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhất là công nghiệp năng lượng, du lịch, nông nghiệp; bộ mặt đô thị và nông thôn, kể cả vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khởi sắc; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; các chính đền ơn đáp nghĩa, phúc lợi xã hội và an sinh xã hội được bảo đảm. Quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội căn bản được giữ vững.

Nhằm tạo điều kiện cho địa phương chủ động hơn trong việc xác định nguồn lực của ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Trung ương. Việc xây dựng Đề án Phấn đấu “Tự cân đối ngân sách tỉnh Bình Thuận đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030” là cần thiết, nhằm đánh giá khả năng đảm bảo các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương chính từ nguồn thu nội địa trên địa bàn tỉnh, không trông chờ trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

1. **Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của Đề án**
2. Cơ sở chính trị:
* Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng: *“Đổi mới phân cấp NSNN, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”*.
* Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý‎‎ nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.
* Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
* Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.
1. Cơ sở pháp lý của Đề án:
* Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
* Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính và vay trả nợ 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 có nêu: *“khuyến khích các địa phương sáng tạo, tăng thu, huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương trong việc quyết định, sử dụng ngân sách”*.
* Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.
1. Cơ sở thực tiễn của Đề án:

Từ năm 2017 đến nay, nền kinh tế tỉnh Bình Thuận đã có sự phát triển vượt bậc. Đặc biệt về lĩnh vực thu ngân sách nhà nước (NSNN) trong những năm gần đây, Bình Thuận liên tục có số thu vượt dự toán do Bộ Tài chính giao, trở thành tỉnh có số thu NSNN vượt trên 10.000 tỷ đồng. Với tốc độ tăng trưởng này, đã tạo tiền đề quan trọng để Bình Thuận phấn đấu tự cân đối thu chi ngân sách trong thời gian sớm nhất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 289/TB-VPCP ngày 19/9/2022.

1. **Đánh giá tình hình thu, chi ngân sách nhà nước từ năm 2017 - 2023**
2. Khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh

Bình Thuận nằm ở cực Nam vùng Duyên hải Nam Trung bộ; với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, giàu truyền thống cách mạng, trải qua các thời kỳ đấu tranh, xây dựng và phát triển. Đến nay, tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 8 huyện, 1 thị xã và 1 thành phố với 124 xã, phường, thị trấn. Thành phố Phan Thiết - Trung tâm tỉnh lỵ Bình Thuận cách thành phố Hồ Chí Minh 200 km, cách thành phố Nha Trang 250 km. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Bình Thuận là 794.245 ha. Dân số của tỉnh Bình Thuận hiện có trên 1,2 triệu người, với 30 thành phần dân tộc anh em.

Bình Thuận có vị trí địa lý thuận lợi: Là cửa ngõ giao lưu về kinh tế, văn hóa, chính trị và xã hội của các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; có Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam đi qua nối liền Bình Thuận với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh phía Nam, miền Trung và miền Bắc; có Quốc lộ 28 đi Lâm Đồng, Quốc lộ 55 nối liền Bình Thuận với Bà Rịa -Vũng Tàu và các tỉnh Tây Nguyên. Bình Thuận cũng là tỉnh có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng. Bờ biển dài 192 km với nhiều bãi biển đẹp, bằng phẳng, cát trắng mịn, phong cảnh đẹp, nước biển trong xanh là lợi thế để phát triển du lịch. Ngoài khơi có đảo Phú Quý gần với đường hàng hải quốc tế, thềm lục địa giàu tiềm năng dầu khí; diện tích vùng lãnh hải 52.000 km2, là một trong 3 ngư trường lớn nhất Việt Nam giàu nguồn lợi về các loại hải sản có giá trị kinh tế cao; trữ lượng hải sản vùng 50m nước (độ sâu) trở vào bờ khoảng 220-240 ngàn tấn, khả năng khai thác hải sản các loại trong vùng 50m nước trở vào bờ 120.000 tấn/năm; tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh Bình Thuận khoảng 702.782 ha; tỉnh có gần 100 mỏ với 30 nhóm khoáng sản, đặc biệt có trữ lượng lớn quặng titan, phân bố tập trung, hàm lượng zircon trong quặng cao; tiềm năng khai thác dầu khí ở vùng biển ngoài khơi và vùng thềm lục địa của tỉnh còn khá lớn; người Bình Thuận có truyền thống cần cù và hiếu học, năng động trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội,… đã tạo cho Bình Thuận khả năng sớm thích nghi với cơ chế kinh tế thị trường, tạo cho Bình Thuận khả năng để phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng giao lưu kinh tế với cả nước và quốc tế.

 Sự đa dạng về văn hóa các dân tộc, đặc biệt là các giá trị văn hóa của các dân tộc đã cư trú lâu dài trên địa bàn tỉnh cùng với công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thông được quan tâm và có kết quả tốt là một trong những nguồn lực lớn có thể phát huy và phát triển những hoạt động kinh tế - xã hội mang lại sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Kể từ năm 2017 đến nay, Bình Thuận đã vượt khó, vươn lên và từng bước rút ngắn chênh lệch về trình độ phát triển với các tỉnh khu vực Duyên hải miền Trung và miền Đông Nam bộ; tiềm lực kinh tế và kết cấu hạ tầng kinh tế bước đầu được củng cố, tạo tiền đề cho Bình Thuận phát triển mạnh trong những năm tới. Những bước phát triển vừa qua với các nhân tố mới như du lịch, khai thác dầu khí ngoài khơi, thủy sản, năng lượng tái tạo… đã và đang từng bước đưa Bình Thuận trở thành một cực phát triển mới của khu vực Nam Trung Bộ.

* 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2017 - 2023

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) bình quân hằng năm giai đoạn 2017-2023 ước đạt 6,83%/năm; trong đó, GRDP nhóm ngành: Công nghiệp - xây dựng tăng 12,06%; dịch vụ tăng 6,33%; nông - lâm - thủy sản tăng 3,49% (kế hoạch 3 - 3,8%).

- Tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách (chưa tính các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) giai đoạn 2017-2023 bình quân ước đạt 10,45%.

- Thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP giai đoạn bình quân ước chiếm 39,85%.

- Bình quân hàng năm, giải quyết việc làm hơn 20.000 lao động; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến năm 2023 ước đạt 2,06%.

- Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng ước năm 2023 chiếm 36,98%; dịch vụ chiếm 34,16%; nông - lâm - thủy sản chiếm 28,86% trong giá trị tăng thêm.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2023 ước đạt 3.635,3 USD.

- Sản lượng lương thực đến năm 2023 ước đạt 846.000 tấn; sản lượng mủ cao su 68.100 tấn; sản lượng thanh long 600.500 tấn; sản lượng hải sản khai thác 235.630 tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 974 triệu USD (tăng 64,51% so với năm 2017), trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 819 triệu USD (tăng 112,25% so với năm 2017).

* 1. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội:

Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế đạt nhiều kết quả tích cực, từng bước chuyển dần sang chiều sâu, kinh tế tăng trưởng khá trong giai đoạn 2017 - 2019; sau đại dịch Covid-19, kinh tế của tỉnh bắt đầu lấy lại được đà tăng trưởng. Quy mô tổng giá trị sản phẩm nội tỉnh (GRDP theo giá hiện hành) liên tục tăng qua các năm; ước giai đoạn 2017 - 2023 bình quân ước tăng 6,83%/năm. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm - thủy sản trong GRDP. Các ngành kinh tế phát triển khá đồng đều; tiềm năng, lợi thế của tỉnh được khai thác và phát huy hiệu quả hơn.

* + 1. Lĩnh vực công nghiệp

Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp bình quân hằng năm trong giai đoạn 2017 - 2023 ước tăng 12,24%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đến năm 2023 ước đạt 41.377 tỷ đồng (tăng 68,7% so với năm 2017).

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, thu hút được nhiều dự án đầu tư công nghiệp có quy mô lớn, nhất là các dự án năng lượng.

Tiềm năng về năng lượng được khai thác, phát huy tốt, công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao, thuộc nhóm ngành hoạt động hiệu quả nhất, đóng góp lớn trong nền kinh tế của tỉnh, là động lực chính thúc đẩy phát triển công nghiệp của tỉnh. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản của tỉnh có bước phát triển khá.

Đến nay, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thu hút 86 dự án thứ cấp, tỷ lệ lắp đầy của các khu công nghiệp đã xây dựng đạt 37%; có 27 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh thu hút, bố trí hơn 175 dự án đầu tư với tổng diện tích 270,33 ha, chiếm 35,9% diện tích đất công nghiệp của các cụm.

* + 1. Hoạt động du lịch, thương mại dịch vụ và xuất khẩu:
1. Về du lịch:

Ngành du lịch đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để phục hồi, trở lại sôi động sau dịch Covid-19; tiếp tục giữ vững thương hiệu và uy tín, nhất là sau khi đưa tuyến cao tốc đoạn Phan Thiết - Dầu Giây, Vĩnh Hảo - Phan Thiết vào sử dụng; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ chất lượng, mới lạ để thu hút du khách; hình thành địa bàn trọng điểm về du lịch, hướng đến phát triển trung tâm du lịch thể thao biển mang tầm quốc gia. Công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư du lịch thông qua nhiều biện pháp được tăng cường, đẩy mạnh.

Đã tăng cường ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ phát triển du lịch như hệ thống giao thông, điện, nước, viễn thông, môi trường, đặc biệt là cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch; từng bước tạo điều kiện thu hút nhiều nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, nhiều kinh nghiệm, có khả năng đầu tư dự án mang tính đột phá.

Đến năm 2023, lượng khách du lịch ước đạt 6,72 triệu lượt khách (tăng 30,93% so với năm 2017); doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 16.500 tỷ đồng (tăng 52,61% so với năm 2017).

1. Đánh giá tình hình thu NSNN:
	1. Kết quả thu NSNN giai đoạn 2017 - 2023:

Triển khai nhiệm vụ thu NSNN trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước và địa phương có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 2020 - 2023, đại dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp trên toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, xung đột vũ trang giữa Nga - Ukraine, áp lực lạm phát, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thị trường xuất khẩu thu hẹp, làm trì trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh…trong khi các nguồn lực đầu tư phát triển của tỉnh còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ; thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục có những diễn biến bất thường, cực đoan,...đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và công tác thu NSNN trên địa bàn tỉnh.

Song, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và người nộp thuế, sự chủ động của các ngành, các cấp trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thuế, tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ và giải quyết kịp thời các chính sách miễn giảm, giãn thuế để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế; tích cực rà soát, chống thất thu thuế, đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết thủ tục hành chính,...thu NSNN đã đạt những kết quả tích cực, với 07/07 năm dự kiến hoàn thành và vượt mức dự toán do Bộ Tài chính, HĐND tỉnh giao, góp phần đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 - 2023 ước đạt 79.036 tỷ đồng, vượt 25,31% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó thu nội địa ước đạt 60.459 tỷ đồng, vượt 27,76% dự toán HĐND tỉnh giao, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác ước đạt 43.480 tỷ đồng, vượt 24,63% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất ước đạt 8.753 tỷ đồng, vượt 62,09% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 8.226 tỷ đồng, vượt 16,93% dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể như sau:

* Năm 2017: Thu nội địa đạt 6.163 tỷ đồng, vượt 3,50% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8,79% so với thực hiện năm 2016, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 4.208 tỷ đồng, đạt 87,67% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.287 tỷ đồng, vượt 157,34% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 668 tỷ đồng, vượt 2,08% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2018: Thu nội địa đạt 7.386 tỷ đồng, vượt 22,69% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 19,83% so với thực hiện năm 2017, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 5.060 tỷ đồng, vượt 10,00% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.520 tỷ đồng, vượt 117,14% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 806 tỷ đồng, vượt 11,89% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2019: Thu nội địa đạt 9.439 tỷ đồng, vượt 50,30% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27,80% so với thực hiện năm 2018, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 7.038 tỷ đồng, vượt 48,16% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.386 tỷ đồng, vượt 98,08% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 1.015 tỷ đồng, vượt 22,26% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2020: Thu nội địa đạt 8.633 tỷ đồng, vượt 12,85% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 8,54% so với thực hiện năm 2019, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 6.346 tỷ đồng, vượt 5,76% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.113 tỷ đồng, vượt 59,07% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 1.174 tỷ đồng, vượt 23,57% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2021: Thu nội địa đạt 10.142 tỷ đồng, vượt 68,48% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17,49% so với thực hiện năm 2020, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 7.385 tỷ đồng, vượt 72,96% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.471 tỷ đồng, vượt 110,14% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 1.286 tỷ đồng, vượt 22,52% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2022: Thu nội địa đạt 10.090 tỷ đồng, vượt 48,59% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 0,52% so với thực hiện năm 2021, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 7.438 tỷ đồng, vượt 70,56% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 975 tỷ đồng, đạt 88,66% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 1.677 tỷ đồng, vượt 26,09% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2023: Thu nội địa ước đạt 8.606 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14,71% so với thực hiện năm 2022, bao gồm: thu từ thuế, phí, thu khác đạt 6.006 tỷ đồng, đạt 98,36% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất đạt 1.000 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán HĐND tỉnh giao và thu xổ số kiến thiết là 1.600 tỷ đồng, vượt 6,67% dự toán HĐND tỉnh giao.

Bình quân hàng năm, huy động GRDP vào ngân sách (chưa tính các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) đạt 10,45%. Tốc độ tăng thu nội địa trong giai đoạn 2017 – 2023 ước đạt bình quân 11,09%/năm.

* 1. Đánh giá chung:
1. Những mặt đạt được:

- Công tác thu NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác thu NSNN. Trong giai đoạn 2017 - 2023, việc ban hành và tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Đề án quản lý thu thuế đối với các lĩnh vực: quản lý thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu; quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; thực hiện thí điểm ủy nhiệm thu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán đã mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, việc tăng cường công tác quản lý thuế đối với các lĩnh vực dịch vụ lưu trú, ăn uống, kinh doanh bất động sản, thương mại điện tử, tài nguyên khoáng sản,…đã từng bước tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản lý thuế trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ thuế và tăng cường các giải pháp chống thất thu NSNN.

- Kết quả thu nội địa giai đoạn 2017 - 2023 đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo nhiệm vụ chi của địa phương, thu nội địa liên tục tăng qua các năm và hoàn thành vượt mức dự toán được Bộ Tài chính, HĐND tỉnh giao; đặc biệt, trong giai đoạn 2021 - 2022, trước bối cảnh nền kinh tế - xã hội chịu nhiều tác động tiêu cực của dịch Covid-19 cùng với việc thực hiện các chính sách miễn giảm thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất của Chính phủ để tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp nhưng trong 02 năm liên tiếp, kết quả thu nội địa vượt trên 10.000 tỷ đồng và cao nhất trong 30 năm kể khi từ tái lập tỉnh (năm 2021 là 10.142 tỷ đồng và năm 2022 là 10.090 tỷ đồng), điều này tạo tiền đề cho tỉnh nhà có thêm nguồn lực tài chính để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc phân cấp quản lý thu ngân sách cơ bản gắn với công tác quản lý nhà nước trên địa bàn và sự phối hợp hỗ trợ của Cục Thuế giúp cho các huyện, thị xã, thành phố tăng cường tính chủ động khai thác các nguồn thu, do đó nguồn thu thuộc khối huyện, thị xã, thành phố chiếm tỷ trọng tăng dần qua các năm trong tổng thu nội địa, góp phần tăng cường tính tự chủ, linh hoạt trong điều hành ngân sách của huyện, thị xã, thành phố.

- Chú trọng đổi mới, cải tiến công tác quản lý thuế và triển khai có hiệu quả công tác tuyên tuyền, hỗ trợ chính sách, pháp luật thuế, công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách thủ tục hành chính thuế...nhờ đó ý thức chấp hành, tuân thủ các chính sách, pháp luật thuế của người nộp thuế từng bước được nâng cao, góp phần tăng thu cho NSNN.

1. Những mặt chưa đạt được:

- Quy mô thu NSNN có nhiều cải thiện nhưng tỷ trọng thu nội địa trên địa bàn chưa đáp ứng nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (NSĐP), trong đó thu cân đối ngân sách điều tiết cho NSĐP chỉ đảm bảo một phần nhiệm vụ chi; vì vậy, hàng năm ngân sách Trung ương vẫn phải trợ cấp cho NSĐP. Cơ cấu nguồn thu NSNN chưa tích cực và vững chắc, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp và chưa ổn định trong tổng thu nội địa, chưa có nguồn thu chủ lực mà còn phụ thuộc vào các khoản thu phát sinh không thường xuyên từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nguồn thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa (28,08%).

- Trong những năm gần đây, thị trường bất động sản diễn ra sôi động do các dự án đầu tư sân bay Phan Thiết, các tuyến đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, Vĩnh Hảo - Phan Thiết được triển khai thi công, dẫn đến các nhà đầu tư đón đầu kinh doanh bất động sản, kéo theo một số khoản thu và các hoạt động khác tăng trưởng đã tạo thuận lợi cho công tác thu NSNN. Tuy nhiên hiện nay, những bất cập, vướng mắc về chính sách đất đai chưa được tháo gỡ, kéo theo các hoạt động khác như thu phí, lệ phí, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...sụt giảm sâu.

- Tình hình tài chính của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, nhất là sau ảnh hưởng dịch Covid-19, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn hạn chế, sức chống chịu còn yếu, quy mô các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ, lẻ, còn ít các doanh nghiệp có uy tín, thương hiệu trong và ngoài nước đóng góp nguồn thu chủ lực cho NSĐP.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương các cấp trong công tác quản lý thu NSNN chưa thật sự đồng bộ, kịp thời đối với việc quản lý các dự án đầu tư mới, xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động chuyển nhượng vốn, dự án, bất động sản, tài nguyên, khoáng sản…, giá chuyển nhượng bất động sản ghi trên hợp đồng công chứng còn thấp so với giá thị trường và giá thực tế chuyển nhượng,…tiềm ẩn nguy cơ gây thất thu NSNN.

- Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh mặc dù được cải thiện theo hướng thông thoáng tạo điều kiện thu hút các dự án đầu tư, song trong thực tiễn vẫn có một số khâu giải quyết còn chậm, chưa được đồng bộ, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng…, chưa thu hút được các dự án đầu tư lớn ở những lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trọng điểm để tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách cho tỉnh.

1. Nguyên nhân:
* Về tình hình kinh tế - xã hội: Trong giai đoạn 2017 - 2023, tình hình kinh tế - xã hội trong nước và ngoài nước có nhiều biến động, diễn biến phức tạp, sức ép lạm phát, giá cả các yếu tố đầu vào tăng cao, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp,…nhất là trong giai đoạn 2020 - 2021, dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến kéo dài đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của tỉnh, tốc độ tăng trưởng GRDP chững lại và giảm mạnh; theo số liệu Cục thống kê tỉnh thì năm 2017 tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 7,07%, năm 2018 đạt 8,54%, năm 2019 đạt 10,03% nhưng năm 2020 tốc độ tăng trưởng GRDP giảm chỉ còn 4,56%, năm 2021 tăng trưởng chỉ 2,77%. Đến năm 2022 tốc độ tăng trưởng GRDP có tăng lên 7,75% nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân cả nước (8,02%). Bên cạnh đó, từ năm 2022 đến nay, các dự án đầu tư của tỉnh, thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, một số dự án vẫn chưa xác định được giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất kéo theo các khoản thu, sắc thuế liên quan sụt giảm, ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu NSNN.
* Về cơ chế, chính sách:
* Chính sách thu NSNN chưa bao quát các nguồn thu, trong khi ưu đãi còn dàn trải cùng với điều kiện tự nhiên, trong khi đặc thù của tỉnh, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng bình quân 29% trong cơ cấu nền kinh tế. Do đó, được hưởng các chính sách về đầu tư, ưu đãi miễn giảm thuế đối với các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nên khả năng đóng góp nguồn thu từ lĩnh vực này vào NSNN hàng năm không cao.
* Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thu NSNN trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ, từ ngữ văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều cách hiểu khác nhau hoặc không theo kịp với thực tiễn, thường xuyên có sự sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn cho người nộp thuế cũng như cơ quan thuế thực hiện, nhất là các chính sách về đất đai khá phức tạp, rủi ro cao, việc áp dụng vào thực tế vẫn còn vướng mắc chưa được tháo gỡ kịp thời nên gây khó khăn trong thực hiện nghĩa vụ tài chính cho doanh nghiệp, cá nhân sử dụng đất,…tạo ra những rủi ro cho nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý nhà nước đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu NSNN.
* Sự tác động của các chính sách miễn giảm thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất của Chính phủ nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng dịch Covid-19 trong giai đoạn 2020 - 2023 đã tác động giảm thu NSNN.
* Về ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế: Ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số tổ chức, cá nhân trong việc kê khai thuế chưa cao, một số bộ phận người nộp thuế lợi dụng sự thông thoáng của cơ chế tự khai, tự nộp để khai man, trốn thuế, chiếm đoạt NSNN hoặc chưa cập nhật kịp thời các chính sách pháp luật thuế dẫn đến việc thực hiện chậm, sai sót trong kê khai, nộp thuế, có trường hợp dây dưa, chây ỳ nộp thuế,…dẫn đến thất thoát NSNN.
* Về công tác quản lý của cơ quan nhà nước: Việc phối hợp giữa cơ quan thuế với sở, ban, ngành và địa phương các cấp liên quan đến công tác quản lý thu NSNN chưa chặt chẽ, kịp thời, ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực vào NSNN. Trình độ chuyên môn một số công chức còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển và những biến đổi, trong khi các hành vi gian lận, trốn thuế của người nộp thuế ngày càng phức tạp, tinh vi hơn, số lượng công chức thuế so với biên chế hành chính được giao còn thiếu, chưa đáp ứng bổ sung kịp thời so với yêu cầu công việc ngày càng gia tăng đã gây áp lực, rủi ro cao trong công tác quản lý thuế.
1. Đánh giá tình hình chi NSĐP:
	1. Kết quả chi NSĐP giai đoạn 2017 - 2023:

Tổng chi NSĐP giai đoạn 2017 – 2023 (không kể các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện) là 71.365 tỷ đồng, đạt 99,36% so với dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 17.469 tỷ đồng, vượt 4,68% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 43.497 tỷ đồng, đạt 99,35% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 9.861 tỷ đồng, đạt 98,75% dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể như sau:

* Năm 2017: Chi NSĐP là 8.035 tỷ đồng, vượt 7,93% so với dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 2.109 tỷ đồng, vượt 22,85% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 5.225 tỷ đồng, đạt 97,14% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 660 tỷ đồng, vượt 221,20% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2018: Chi NSĐP là 9.109 tỷ đồng, vượt 1,40% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13,37% so với thực hiện năm 2017, trong đó: chi đầu tư phát triển là 2.409 tỷ đồng, vượt 23,64% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 5.599 tỷ đồng, đạt 99,37% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.049 tỷ đồng, đạt 83,96% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2019: Chi NSĐP là 9.302 tỷ đồng, đạt 97,63% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,11% so với thực hiện năm 2018, trong đó: chi đầu tư phát triển là 2.201 tỷ đồng, vượt 6,10% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 5.676 tỷ đồng, đạt 93,69% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.331 tỷ đồng, vượt 7,94% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2020: Chi NSĐP là 10.555 tỷ đồng, vượt 1,70% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13,47% so với thực hiện năm 2019, trong đó: chi đầu tư phát triển là 2.713 tỷ đồng, vượt 23,59% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 6.259 tỷ đồng, đạt 95,80% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.447 tỷ đồng, vượt 7,54% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2021: Chi NSĐP là 10.606 tỷ đồng, đạt 96,48% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 0,48% so với thực hiện năm 2020, trong đó: chi đầu tư phát triển là 2.560 tỷ đồng, đạt 92,80% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 6.418 tỷ đồng, vượt 4,16% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.625 tỷ đồng, đạt 86,70% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2022: Chi NSĐP là 11.146 tỷ đồng, đạt 93,81% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 5,10% so với thực hiện năm 2021, trong đó: chi đầu tư phát triển là 2.443 tỷ đồng, đạt 82,51% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 7.048 tỷ đồng, vượt 4,55% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.653 tỷ đồng, đạt 83,41% dự toán HĐND tỉnh giao.
* Năm 2023: Chi NSĐP là 12.612 tỷ đồng, đạt 100,00% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13,15% so với thực hiện năm 2022, trong đó: chi đầu tư phát triển là 3.034 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên là 7.272 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán HĐND tỉnh giao; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.095 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán HĐND tỉnh giao.

Tốc độ tăng chi NSĐP trong giai đoạn 2017 – 2023 là 7,85%/năm, trong đó tốc độ tăng chi đầu tư phát triển là 5,57%/năm, tốc độ tăng chi thường xuyên là 5,73%/năm, tốc độ tăng chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 24,73%.

* 1. Đánh giá chung:
	2. Những mặt đạt được: Trong giai đoạn 2017 – 2023, tỉnh rất quan tâm chi đầu tư phát triển nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, ưu tiên nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Công tác kiểm tra, thanh tra được quan tâm thực hiện thường xuyên nên chi ngân sách trong thời gian qua về cơ bản đã thực hiện được mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Chủ động rà soát, kịp thời phân bổ nguồn vượt thu NSNN cho chi đầu tư phát triển nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh nhà.
	3. Những mặt chưa đạt được:
* Một số nguồn đã có nhiệm vụ chi nhưng việc phân khai, giải ngân, thanh toán còn chậm.
* Việc giải ngân, thanh toán các nguồn vốn đầu tư phát triển, các CTMTQG còn chậm, dẫn đến cuối năm phải chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục theo dõi, thực hiện hoặc phải hoàn trả cho NSTW.
* Việc nộp trả nguồn NSTW hỗ trợ nhưng chưa sử dụng hết và thu hồi các khoản chi năm trước, thu từ ngân sách cấp dưới nộp ngân sách cấp trên theo kiến nghị của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán còn chưa kịp thời.
1. Đánh giá tình hình cân đối NSĐP:

Giai đoạn 2017-2023, tỉnh Bình Thuận là tỉnh nhận trợ cấp bổ sung cân đối từ NSTW. Tổng kinh phí NSTW bổ sung cho NSĐP trong giai đoạn 2017 – 2023 là 28.985 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,64% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 15.752 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,28% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 13.233 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,36% tổng thu NSĐP, cụ thể như sau:

* Năm 2017, NSTW bổ sung cho NSĐP là 3.235 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36,08% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 1.822 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 20,33% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 1.413 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,76% tổng thu NSĐP.
* Năm 2018, NSTW bổ sung cho NSĐP là 3.800 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35,35% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 1.969 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,31% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 1.831 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,04% tổng thu NSĐP.
* Năm 2019, NSTW bổ sung cho NSĐP là 4.004 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,26% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 2.197 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,15% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 1.807 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,10% tổng thu NSĐP.
* Năm 2020, NSTW bổ sung cho NSĐP là 3.503 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,07% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 1.937 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,63% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 1.566 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,44% tổng thu NSĐP.
* Năm 2021, NSTW bổ sung cho NSĐP là 4.783 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,14% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 2.721 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,85% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 2.062 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,29% tổng thu NSĐP.
* Năm 2022, NSTW bổ sung cho NSĐP là 5.528 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36,43% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 3.067 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 20,21% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 2.461 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,22% tổng thu NSĐP.
* Năm 2023, NSTW bổ sung cho NSĐP là 4.133 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,38% tổng thu NSĐP, bao gồm: thu bổ sung cân đối ngân sách là 2.039 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,47% tổng thu NSĐP và thu bổ sung có mục tiêu là 2.094 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,92% tổng thu NSĐP.

Nhìn chung, tỷ lệ bổ sung từ NSTW cho NSĐP đã giảm từ 36,08% trong năm 2017 còn 33,38% trong năm 2023. Tuy nhiên, số bổ sung từ NSTW để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp cho NSĐP vẫn còn cao.

1. **Xây dựng dự toán thu, chi NSNN trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:**
2. Về dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:
	1. Về dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh:

Căn cứ dự thảo Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, dự kiến tình hình, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 dự kiến đạt 7,5- 8,0%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 11-12%/năm (Công nghiệp tăng 12-13%/năm, xây dựng tăng 10-11%/năm); dịch vụ tăng 7,0 - 7,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 2,5-3,0%/năm. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021 - 2025, tăng trưởng GRDP bình quân toàn tỉnh đạt 7,0 - 7,5%/năm, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 11,5 - 12,0%/năm; dịch vụ tăng 7,0 - 7,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 2,8 - 3,3%/năm.

+ Giai đoạn 2026 - 2030, tăng trưởng GRDP bình quân toàn tỉnh đạt 8,0 - 8,4%/năm, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 12,0 - 12,5%/năm; dịch vụ tăng 7,5 - 8,0%/năm; nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 2,8 - 3,0%/năm.

- Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Đến năm 2025, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 38-40%; ngành dịch vụ chiếm 31-33%; ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 23-25%; và thuế sản phẩm 6-7% trong GRDP của tỉnh. Đến năm 2030, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 45-47%; ngành dịch vụ chiếm 34- 35%; ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 18-19%; và thuế sản phẩm 5-6% trong GRDP của tỉnh.

- Thu NSNN trên địa bàn tăng bình quân 9,0-10%/năm giai đoạn 2021 - 2030, trong đó giai đoạn 2021-2025 khoảng 8,0 - 9,0%, giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10,0 - 11,0%.

1. Xây dựng dự toán thu NSNN trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:
	1. Dự báo bối cảnh, những tác động đến công tác thu NSNN giai đoạn 2024 - 2030:
	2. Thuận lợi: Bước sang giai đoạn 2024 - 2030, dự báo tình hình trong nước và địa phương có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, Bình Thuận cùng với cả nước tiếp tục hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cùng với cuộc cách mạng khoa học phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực. Kế thừa những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2017 - 2023, tiềm năng, lợi thế tiếp tục phát huy ngày càng tốt hơn, đặc biệt, việc khơi thông tuyến đường cao tốc Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây và đẩy nhanh tiến độ thi công Cảng hàng không Phan Thiết cùng với những tập đoàn đang quan tâm, khảo sát, nghiên cứu đầu tư trên địa bàn... sẽ tạo ra những động lực mới cho sự phát triển của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng thu NSNN trong thời gian đến.
	3. Khó khăn:

- Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh ta vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế như ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế toàn cầu, xung đột giữa Nga - Ukraine còn kéo dài, sản xuất kinh doanh phục hồi chậm sau dịch bệnh Covid-19, sức ép lạm phát, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thị trường xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn; nguồn thu của tỉnh còn nhỏ, lẻ, thiếu ổn định, sản xuất, chế biến làm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm trong nông nghiệp còn thiếu, đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp của tỉnh còn hạn chế; tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm việc xác định giá đất cụ thể, vướng mắc về cơ chế trong quản lý nhà nước về đất đai chưa được tháo gỡ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ; thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục có những diễn biến bất thường, cực đoan,...đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và công tác thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Hiện nay, nguồn thu NSNN trên địa bàn tỉnh với quy mô và cơ cấu chưa bền vững, thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng còn thấp trong tổng thu nội địa, nguồn thu của tỉnh còn phụ thuộc lớn vào các nguồn thu từ đất và xổ số kiến thiết . Các ngành kinh tế mũi nhọn về công nghiệp năng lượng, dịch vụ, du lịch với số nộp ngân sách không cao và chưa ổn định trong cơ cấu thu nội địa,...nguồn thu từ các doanh nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh không nhiều và còn chịu tác động bởi nhiều yếu tố do những khó khăn chung của nền kinh tế, các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai còn chiếm tỷ trọng khá lớn, tuy nhiên do ảnh hưởng thị trường bất động sản cùng với những vướng mắc trong cơ chế phê duyệt giá đất cụ thể dẫn đến các nguồn thu này sụt giảm đáng kể.

 Ngoài ra, việc phân cấp quản lý thuế chưa đồng bộ với phân cấp quản lý kinh tế và quản lý thu ngân sách trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố cũng đã gây khó khăn trong việc triển khai các giải pháp điều hành quản lý ngân sách chung theo yêu cầu của Trung ương và địa phương, đồng thời không phát huy được tính chủ động, linh hoạt của địa phương trong cân đối thu chi trên từng địa bàn. Do đó, việc đảm bảo nguồn thu để tỉnh Bình Thuận tiến tới tự cân đối ngân sách trong thời gian đến là cấp thiết nhưng cũng hết sức khó khăn.

* 1. Dự kiến thu nội địa năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:
1. Dự kiến thu nội địa năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 – 2030 theo báo cáo của Cục Thuế Bình Thuận:

Trên cơ sở tình hình thu NSNN giai đoạn 2017 - 2023 và thực tế tại địa phương, dự kiến thu nội địa trên địa bàn tỉnh năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng tiếp tục xác định việc huy động nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí đảm bảo tính hợp lý và phù hợp với tình hình kinh tế địa phương, chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nội địa, giảm dần sự phụ thuộc từ đất đai và các khoản thu phát sinh không thường xuyên. Theo báo cáo của Cục Thuế Bình Thuận, dự kiến thu nội địa giai đoạn 2024 – 2030 đạt 63.944 tỷ đồng, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 47.522 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 74,32% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 28.712 tỷ đồng, chiếm 44,90% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 4.900 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,66% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 11.522 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,02% thu nội địa, cụ thể như sau:

* Trong năm 2024 và năm 2025:
* Dự kiến thu nội địa năm 2024 đạt 8.253 tỷ đồng, giảm 4,10% so với năm 2023, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 6.003 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 72,74% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 3.632 tỷ đồng, chiếm 44,01% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,48% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.550 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,78% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.487 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2025 đạt 8.490 tỷ đồng, tăng 2,87% so với năm 2024, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 6.209 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 73,14% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 3.754 tỷ đồng, chiếm 44,22% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,24% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.581 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,62% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.705 tỷ đồng.
* Trong giai đoạn 2026 - 2030:
* Dự kiến thu nội địa năm 2026 đạt 8.731 tỷ đồng, tăng 2,84% so với năm 2025, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 6.419 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 73,52% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 3.879 tỷ đồng, chiếm 44,43% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,02% thu nội địa) và thu xổ số kiến thiết là 1.612 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,46% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.919 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2027 đạt 9.063 tỷ đồng, tăng 3,80% so với năm 2026, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 6.718 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 74,13% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 4.057 tỷ đồng, chiếm 44,76% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,72% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.645 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 18,15% thu nội địa). Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.225 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2028 đạt 9.411 tỷ đồng, tăng 3,84% so với năm 2027, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 7.033 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 74,73% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 4.248 tỷ đồng, chiếm 45,14% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,44% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.678 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,83% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.542 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2029 đạt 9.792 tỷ đồng, tăng 4,05% so với năm 2028, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 7.381 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,38% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 4.459 tỷ đồng, chiếm 45,54% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,15% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.711 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,47% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.889 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2030 đạt 10.204 tỷ đồng, tăng 4,21% so với năm 2029, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 7.759 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,38% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 4.683 tỷ đồng, chiếm 45,89% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,86% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.745 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 17,10% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 9.265 tỷ đồng.
1. Dự kiến thu nội địa năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 – 2030 theo Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng phát triển kinh tế - xã hội:

Với tốc độ thu nội địa giai đoạn 2024 – 2025 tăng 9,00%/năm và giai đoạn 2026 – 2030 tăng 11%/năm, dự kiến thu nội địa giai đoạn 2024 – 2030 đạt 90.294 tỷ đồng, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 73.872 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81,81% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 49.546 tỷ đồng, chiếm 54,87% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 4.900 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,43% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 11.522 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,76% thu nội địa, cụ thể như sau:

* Trong năm 2024 và năm 2025:
* Dự kiến thu nội địa năm 2024 đạt 9.381 tỷ đồng, tăng 9,00% so với năm 2023, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 7.131 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 76,01% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 4.791 tỷ đồng, chiếm 51,07% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,46% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.550 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,52% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.682 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2025 đạt 10.225 tỷ đồng, tăng 9,00% so với năm 2024, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 7.944 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 77,69% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 5.325 tỷ đồng, chiếm 52,08% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,85% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.581 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,46% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 9.450 tỷ đồng.
* Trong giai đoạn 2026 - 2030:
* Dự kiến thu nội địa năm 2026 đạt 11.350 tỷ đồng, tăng 11,00% so với năm 2025, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 9.038 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 79,63% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 6.071 tỷ đồng, chiếm 53,49% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,17% thu nội địa) và thu xổ số kiến thiết là 1.612 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,20% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 10.481 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2027 đạt 12.599 tỷ đồng, tăng 11,00% so với năm 2026, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 10.254 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 74,13% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 6.894 tỷ đồng, chiếm 54,72% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,56% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.645 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,06% thu nội địa). Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 11.627 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2028 đạt 13.985 tỷ đồng, tăng 11,00% so với năm 2027, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 11.607 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 83,00% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 7.798 tỷ đồng, chiếm 55,76% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,01% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.678 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,00% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 12.894 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2029 đạt 15.523 tỷ đồng, tăng 11,00% so với năm 2028, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 13.112 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,47% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 8.781 tỷ đồng, chiếm 56,57% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,51% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.711 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,02% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 14.299 tỷ đồng.
* Dự kiến thu nội địa năm 2030 đạt 17.231 tỷ đồng, tăng 11,00% so với năm 2029, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 14.786 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85,81% thu nội địa (trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến đạt 9.886 tỷ đồng, chiếm 57,37% thu nội địa); thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,06% thu nội địa và thu xổ số kiến thiết là 1.745 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,13% thu nội địa. Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 15.859 tỷ đồng.
1. Xây dựng dự toán chi NSĐP trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:
	1. Về nguyên tắc xây dựng dự toán chi NSĐP:
2. Về xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:
* Đối với chi đầu tư được cân đối từ nguồn thu từ thuế, phí, thu khác: Xây dựng dự toán chi đầu tư được cân đối từ nguồn thu từ thuế, phí, thu khác trong giai đoạn 2024 – 2025 bằng với số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 còn lại chưa bố trí là 1.262 tỷ đồng và trong giai đoạn 2026 – 2030, tổng dự toán chi đầu tư phát triển được cân đối từ nguồn thu từ thuế, phí, thu khác dự kiến bố trí là 4.000 tỷ đồng, tăng 44,85% so với chi đầu tư được cân đối từ nguồn thu từ thuế, phí, thu khác trong giai đoạn 2021 – 2025, bao gồm: năm 2026 là 700 tỷ đồng, năm 2027 là 750 tỷ đồng, năm 2028 là 800 tỷ đồng, năm 2029 là 850 tỷ đồng và năm 2030 là 900 tỷ đồng.
* Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn thu xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất: Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển bằng số thu xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất dự kiến thu trong giai đoạn 2024 – 2030 với tổng số tiền là 16.422 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư được cân đối từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết giai đoạn 2026 - 2030 tăng 13,63% so với chi đầu tư được cân đối từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết trong giai đoạn 2021 – 2025.
* Chi đầu tư phát triển từ nguồn bội chi NSĐP (vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ) trong giai đoạn 2024 – 2030 với tổng số tiền là 1.898 tỷ đồng.
* Để đảm bảo tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 35,00%, bằng chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa XIV đã giao thì hàng năm, trong điều kiện nguồn lực chi đầu tư phát triển từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết trong giai đoạn 2024 - 2030 còn hạn chế (thu tiền sử dụng đất không tăng và thu xổ số kiến thiết tăng thấp trong giai đoạn 2024 – 2025), ngân sách tỉnh phải phấn đấu bổ sung thêm nguồn lực chi đầu tư phát triển là 19.905 tỷ đồng.
1. Về xây dựng dự toán chi thường xuyên:

Dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2024 – 2030 được xây dựng căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022, trong đó:

* Khi Bình Thuận tự cân đối ngân sách và có điều tiết về NSTW thì định mức chi cho ngân sách tỉnh Bình Thuận được NSTW phân bổ thêm 40% định mức chi theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Định mức phân bổ của NSĐP được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ với mức tiền lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng (đối với năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023), hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành (bao gồm kinh phí để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa). Trong giai đoạn 2025 – 2030, xây dựng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành theo mức tiền lương cơ sở được điều chỉnh phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).
* Bố trí dự toán chi khác ngân sách thêm 5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính theo định mức phân bổ tại Điều 19 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo NSĐP chủ động có thêm nguồn lực để chi trả các khoản chi phát sinh khác trong quá trình điều hành ngân sách vượt quá khả năng cân đối của NSĐP sau khi sử dụng hết các nguồn lực của địa phương như dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính, kết dư ngân sách (nếu có)…
1. Đối với dự phòng ngân sách: Bố trí mức tối đa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước là 4% tổng chi cân đối NSĐP (không bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và số bội chi NSĐP).
2. Về xây dựng dự toán CTMTQG:
* Đối với CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; theo đó, tại điểm a khoản 2 Điều 6 quy định vốn đối ứng của NSĐP: *“Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách (trừ 03 địa phương có huyện nghèo và nhiều xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi và Khánh Hòa): 100% vốn thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, đảm bảo Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó định mức đầu tư, hỗ trợ đối với từng dự án, tiểu dự án không thấp hơn định mức bình quân của Chương trình.”*.
* Đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững: Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSĐP thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; theo đó, tại Điều 12 quy định vốn đối ứng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự cân đối được ngân sách:

*“1. Trung ương hỗ trợ có mục tiêu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng từ ngân sách trung ương cho các huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*2. Bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.”.*

* Đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng từ NSĐP thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; theo đó, tại khoản 1 Điều 8 quy định vốn đối ứng của NSĐP: *“Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách (trừ tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam): 100% nguồn vốn thực hiện Chương trình bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn.”*.

Như vậy, khi địa phương tự cân đối ngân sách thì NSĐP phải đảm bảo toàn bộ kinh phí thực hiện 03 CTMTQG (trừ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng từ NSTW cho các huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững được NSTW tiếp tục hỗ trợ).

* 1. Dự kiến chi NSĐP năm 2024, 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:

Tổng chi NSĐP giai đoạn 2024 – 2030 là 170.561 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 48.579 tỷ đồng; chi thường xuyên là 102.598 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 13.245 tỷ đồng, cụ thể như sau:

* Năm 2024: Chi NSĐP là 16.071 tỷ đồng, tăng 27,43% so với năm 2023, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 4.337 tỷ đồng; chi thường xuyên là 9.732 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.441 tỷ đồng.
* Năm 2025: Chi NSĐP là 18.245 tỷ đồng, tăng 13,52% so với năm 2024, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 5.056 tỷ đồng; chi thường xuyên là 11.010 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.533 tỷ đồng.
* Năm 2026: Chi NSĐP là 20.642 tỷ đồng, tăng 13,14% so với năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 5.785 tỷ đồng; chi thường xuyên là 12.428 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.693 tỷ đồng.
* Năm 2027: Chi NSĐP là 23.529 tỷ đồng, tăng 13,99% so với năm 2026, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 6.665 tỷ đồng; chi thường xuyên là 14.145 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.874 tỷ đồng.
* Năm 2028: Chi NSĐP là 26.805 tỷ đồng, tăng 13,92% so với năm 2027, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 7.682 tỷ đồng; chi thường xuyên là 16.100 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.054 tỷ đồng.
* Năm 2029: Chi NSĐP là 30.524 tỷ đồng, tăng 13,87% so với năm 2028, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 8.853 tỷ đồng; chi thường xuyên là 18.325 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.235 tỷ đồng.
* Năm 2030: Chi NSĐP là 34.746 tỷ đồng, tăng 13,83% so với năm 2029, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 10.187 tỷ đồng; chi thường xuyên là 20.858 tỷ đồng; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.415 tỷ đồng.

Tốc độ tăng chi NSĐP bình quân trong giai đoạn 2024 – 2030 là 15,58%/năm, trong đó tốc độ tăng chi đầu tư phát triển là 18,91%/năm và tốc độ tăng chi thường xuyên là 16,24%/năm.

1. **Đề xuất phương án tự cân đối ngân sách**
2. Một số nội dung thay đổi khi Bình Thuận chuyển từ tỉnh đang nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương sang tỉnh tự cân đối ngân sách:
3. Về chi NSĐP:
* Số chi NSĐP sẽ được Trung ương phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Đảm bảo toàn bộ kinh phí thực hiện 03 CTMTQG (trừ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng và duy tu bảo dưỡng từ NSTW cho các huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững được NSTW tiếp tục hỗ trợ).
* Đảm bảo toàn bộ các chính sách an sinh xã hội hiện nay Trung ương đang hỗ trợ cho NSĐP như kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 như chính sách bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội, các chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo; kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; kinh phí phát sinh tăng thêm thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và có hiệu lực thi hành sau thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH (sau ngày 01/9/2021).
1. Về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP trong giai đoạn 2024 – 2030:

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Ngân sách nhà nước; theo đó, quy định nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới như sau: *“Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định nhằm bảo đảm nguồn thu cho NSĐP cân đối với nhu cầu chi theo nhiệm vụ được giao. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi đã được chia lại 100% các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP, mà nhiệm vụ chi theo quy định vẫn lớn hơn nguồn thu NSĐP được hưởng, thì NSTW sẽ thực hiện bổ sung cân đối cho NSĐP tương ứng với số chênh lệch thiếu giữa nguồn thu và nhiệm vụ chi.”*.

Như vậy, khi đảm bảo tự cân đối thu, chi thì ngân sách tỉnh phải điều tiết một phần các khoản thu phân chia theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về NSTW. Vì vậy, trong điều kiện nguồn lực NSĐP chưa lớn, Ban cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng phương án tự cân đối thu, chi ngân sách trên cơ sở điều tiết 5% các khoản thu phân chia về NSTW, phần còn lại 95% các khoản thu phân chia do NSĐP được hưởng.

1. Về đề xuất phương án tự cân đối, thu, chi ngân sách:
	1. Phương án 1: Căn cứ khả năng thu NSNN để xác định chi NSĐP (theo phương án này, nếu thu NSĐP được hưởng chưa đảm bảo nhu cầu chi NSĐP thì phải tiết kiệm thêm và thực hiện cắt giảm một số khoản chi chưa thật sự cần thiết, cấp bách… để đảm bảo cân đối NSĐP).

Trên cơ sở phương án thu nội địa giai đoạn 2024 – 2030 theo nguồn lực thực tế tại địa phương do Cục Thuế Bình Thuận xây dựng thì thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp hàng năm tại điểm 2.2 mục IV chỉ đảm bảo một phần dự toán chi NSĐP đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV nêu trên, chưa đủ nguồn lực để đảm bảo cân đối chi NSĐP, cụ thể như sau:

* Năm 2024: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.487 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 51,18% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2025: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.705 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 46,10% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2026: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 7.919 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 41,79% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2027: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.225 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 37,98% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2028: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.542 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 34,51% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2029: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 8.889 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 31,42% dự toán chi NSĐP.
* Năm 2030: Thu điều tiết NSĐP được hưởng theo phân cấp là 9.265 tỷ đồng, chỉ đảm bảo 28,66% dự toán chi NSĐP.

Vì vậy, theo phương án này, để đảm bảo cân đối NSĐP, thực hiện rà soát, cắt giảm các khoản chi NSĐP, cụ thể như sau:

* Cắt giảm toàn bộ các khoản chi đầu tư phát triển được cân đối từ nguồn thu NSĐP được hưởng và cắt giảm khoản chi đầu tư phát triển bố trí tăng thêm để đảm bảo tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi NSĐP là 35,00%.
* Cắt giảm 40% định mức chi được bố trí tăng thêm theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Cắt giảm 2% dự phòng ngân sách, chỉ bố trí dự phòng ngân sách theo mức tối thiểu quy định của Luật Ngân sách nhà nước là 2% tổng chi cân đối NSĐP (không bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ NSTW để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và số bội chi NSĐP).
* Cắt giảm 5% chi khác ngân sách đã bố trí tăng thêm theo định mức phân bổ tại Điều 19 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Sau khi cắt giảm một số nhiệm vụ chi NSĐP nêu trên, ngoài việc đảm bảo các khoản chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chi trả lãi vốn vay lại nước ngoài của Chính phủ theo quy định thì được tiếp tục cắt giảm toàn bộ vào chi thường xuyên của địa phương.

Trên cơ sở cắt giảm một số nhiệm vụ chi NSĐP để đảm bảo cân đối ngân sách, dự kiến số chi NSĐP trong giai đoạn 2024 – 2030 như sau:

- Năm 2024: Chi NSĐP là 9.146 tỷ đồng, giảm 27,48% so với năm 2023, giảm 6.925 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 2.944 tỷ đồng, giảm 1.393 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 4.604 tỷ đồng, giảm 5.128 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.441 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2025: Chi NSĐP là 9.468 tỷ đồng, tăng 3,52% so với năm 2024, giảm 8.777 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.048 tỷ đồng, giảm 2.007 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 4.720 tỷ đồng, giảm 6.290 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.533 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2026: Chi NSĐP là 9.862 tỷ đồng, tăng 4,17% so với năm 2025, giảm 10.780 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.174 tỷ đồng, giảm 2.611 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 4.820 tỷ đồng, giảm 7.608 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.693 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2027: Chi NSĐP là 10.369 tỷ đồng, tăng 5,14% so với năm 2026, giảm 13.160 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.311 tỷ đồng, giảm 3.354 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 4.997 tỷ đồng, giảm 9.148 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 1.874 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2028: Chi NSĐP là 10.887 tỷ đồng, tăng 4,99% so với năm 2027, giảm 15.918 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.460 tỷ đồng, giảm 4.222 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 5.173 tỷ đồng, giảm 10.927 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.054 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2029: Chi NSĐP là 11.434 tỷ đồng, tăng 5,03% so với năm 2028, giảm 19.090 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.623 tỷ đồng, giảm 5.231 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 5.364 tỷ đồng, giảm 12.961 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.235 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

- Năm 2030: Chi NSĐP là 12.010 tỷ đồng, tăng 5,04% so với năm 2029, giảm 22.736 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 3.801 tỷ đồng, giảm 6.400 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi thường xuyên là 5.567 tỷ đồng, giảm 15.291 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV; chi CTMTQG, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ Trung ương giao là 2.415 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV.

***Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện Đề án theo Phương án 1:***

* Thuận lợi:
* Có thể thực hiện tự cân đối thu, chi ngân sách ngay trong năm 2024.
* Cơ cấu chi NSĐP chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên so với tổng chi cân đối NSĐP, cụ thể: năm 2024, tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi cân đối NSĐP là 38,21%, tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi cân đối NSĐP là 59,75% và đến năm 2030, tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi cân đối NSĐP là 39,62%, tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi cân đối NSĐP là 58,02%.
* Khó khăn:
* Quy mô thu NSNN trong giai đoạn 2024 – 2030 còn nhỏ, trong đó thu điều tiết NSĐP được hưởng chỉ đảm bảo một phần nhiệm vụ chi thường xuyên. Cơ cấu nguồn thu chưa tích cực và vững chắc, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp trong tổng thu nội địa, chưa có nguồn thu chủ lực; nguồn thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết hàng năm tăng không đáng kể, chưa thực sự là nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
* Quy mô chi NSĐP bị thu nhỏ, tốc độ tăng chi NSĐP hàng năm chưa đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Quy mô chi đầu tư phát triển bị thu hẹp, chi đầu tư phát triển không còn được NSTW phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN, hoàn toàn phụ thuộc vào số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết.
* Không đảm bảo các hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, các chính sách an sinh xã hội, an ninh – quốc phòng của địa phương, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.
* NSĐP không còn nhận được trợ cấp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện các CTMTQG; bổ sung cân đối để thực hiện các nhiệm vụ chi NSĐP theo phân cấp.
* Không có thêm nguồn lực hỗ trợ từ NSTW để tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
* Trong trường hợp thu NSNN không đạt dự toán được giao hoặc có phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất, cấp bách, các nhiệm vụ chi theo ý kiến chỉ đạo của Trung ương nhưng yêu cầu sử dụng nguồn NSĐP thì công tác điều hành ngân sách hết sức khó khăn.
	1. Phương án 2: Căn cứ nhu cầu chi của NSĐP để từ đó xác định thu NSNN:

Trên cơ sở phương án chi NSĐP giai đoạn 2024 – 2030 đã xây dựng tại điểm 3.2 mục IV. Để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách, dự kiến thu nội địa giai đoạn 2024 – 2030 đạt 175.086 tỷ đồng, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 158.664 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất là 4.900 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 11.522 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Dự kiến thu nội địa năm 2024 đạt 16.191 tỷ đồng, tăng 88,14% so với năm 2023, tăng 7.938 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 13.941 tỷ đồng, tăng 7.938 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.550 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2025 đạt 18.538 tỷ đồng, tăng 14,50% so với năm 2024, tăng 10.048 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 16.257 tỷ đồng, tăng 10.048 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.581 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2026 đạt 21.072 tỷ đồng, tăng 13,67% so với năm 2025, tăng 12.341 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 18.760 tỷ đồng, tăng 12.341 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.612 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2027 đạt 24.098 tỷ đồng, tăng 14,36% so với năm 2026, tăng 15.035 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 21.753 tỷ đồng, tăng 15.035 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.645 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2028 đạt 27.572 tỷ đồng, tăng 14,42% so với năm 2027, tăng 18.161 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 25.194 tỷ đồng, tăng 18.161 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.678 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2029 đạt 31.543 tỷ đồng, tăng 14,40% so với năm 2028, tăng 21.751 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 29.132 tỷ đồng, tăng 21.751 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.711 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

- Dự kiến thu nội địa năm 2030 đạt 36.072 tỷ đồng, tăng 14,36% so với năm 2029, tăng 25.868 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV, bao gồm: thu thuế, phí, thu khác đạt 33.627 tỷ đồng, tăng 25.868 tỷ đồng so với dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV; thu tiền sử dụng đất là 700 tỷ đồng và thu xổ số kiến thiết là 1.745 tỷ đồng, bằng dự toán đã xây dựng tại tiết a điểm 2.2 mục IV.

***Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện Đề án theo Phương án 2:***

* Thuận lợi:
* Khi Bình Thuận tự cân đối ngân sách, số chi NSĐP sẽ được Trung ương phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
* Cơ cấu chi NSĐP chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên so với tổng chi cân đối NSĐP, cụ thể: năm 2024, tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi cân đối NSĐP là 29,64%, tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi cân đối NSĐP là 66,52% và đến năm 2030, tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi cân đối NSĐP là 31,55%, tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi cân đối NSĐP là 64,51%.
* Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi NSĐP tiếp tục duy trì tỷ lệ 35,00%, chi đầu tư phát triển thật sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
* Địa phương được chủ động quyết định các chế độ, chính sách theo khả năng cân đối của NSĐP.
* Khó khăn:
* Chưa thể tự cân đối được thu, chi ngân sách ngay trong năm 2024.
* Tỉnh chưa có nguồn thu chủ lực, việc đảm bảo tốc độ tăng thu nội địa bình quân trong giai đoạn 2024 – 2030 là 22,72%/năm, trong đó đảm bảo tốc độ tăng thu từ thuế, phí, thu khác 27,90% đã vượt quá khả năng của địa phương (trong giai đoạn 2017 – 2021, tốc độ tăng thu nội địa bình quân là 12,35%/năm).
* Hiện nay, Bộ Tài chính đang trình Trung ương xem xét, sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các chế độ, chính sách có liên quan đến thu, chi và phân cấp NSNN; theo đó, NSTW giữ vai trò chủ đạo để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng chiến lược của quốc gia: (i) đảm bảo an ninh, quốc phòng, đối ngoại, quản lý nhà nước của trung ương; (ii) đảm bảo trả đầy đủ các khoản nợ công của Chính phủ; (iii) xây dựng các công trình quan trọng thiết yếu của quốc gia; (iv) điều tiết để đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa các địa phương, vùng miền, hỗ trợ 45/63 địa phương hiện nay còn phải nhận trợ cấp từ cân đối NSTW. Do đó, trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ thay đổi cơ chế phân cấp thu NSNN, chuyển từ việc phân chia theo nhóm sang phân chia theo từng sắc thuế và điều tiết một phần nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết để tập trung đầu tư các công trình hạ tầng vùng và liên vùng (do Trung ương quản lý) nên dự kiến số thu NSĐP được hưởng sau khi Quốc hội ban hành Luật sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 sẽ tiếp tục giảm so với hiện nay.

Như vậy, sau khi đánh giá những thuận lợi, khó khăn của 02 phương án và trên cơ sở số thu nội địa trong giai đoạn 2024 – 2030 theo báo cáo của Cục Thuế Bình Thuận, tỉnh Bình Thuận chưa thể tự cân đối thu, chi ngân sách. Vì vậy, trong giai đoạn 2024 – 2030, để tạo tiền đề vững chắc tiến tới tự cân đối thu, chi ngân sách, tỉnh Bình Thuận cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị; theo đó: *“Cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng tỉ trọng thu nội địa, bảo đảm tỉ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý”* và *“Từng bước cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương”*.

1. **Đề xuất, kiến nghị**
2. Kiến nghị với Trung ương
	1. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội là cơ quan duy nhất ban hành các sắc thuế. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho địa phương chủ động mở rộng phạm vi thu, hạn chế những lĩnh vực không khuyến khích phát triển, điều chỉnh tiêu dùng của người dân, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh kính trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình Bộ Tài chính xem xét trình Chính phủ trình Quốc hội cho HĐND tỉnh có thêm thẩm quyền như sau:
* Quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh phụ thu (tăng thêm không được giảm) trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định đối với một số sắc thuế gián thu có tính chất định hướng do người dân trên địa bàn tỉnh tiêu dùng, các khoản thu NSĐP hưởng 100%.
* Quyết định áp dụng trên địa bàn Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.
	1. Qua đánh giá số thu nội địa trong giai đoạn 2024 – 2030, kiến nghị Trung ương xem xét cho tỉnh Bình Thuận phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh tự cân đối thu, chi ngân sách.
1. Kiến nghị Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
	1. Sau khi có ý kiến thống nhất của Quốc hội, giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định một số nội dung mở rộng phạm vi thu NSNN, hạn chế những lĩnh vực không khuyến khích phát triển, điều chỉnh tiêu dùng của người dân trên địa bàn tỉnh.
	2. Hiện nay, trên cơ sở số kiểm tra thu, chi NSNN của Bộ Tài chính và dự kiến kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, UBND tỉnh đăng ký làm việc với Bộ Tài chính để thảo luận dự toán thu, chi NSNN nhằm làm rõ thêm một số nội dung liên quan đến thu, chi NSNN trong năm dự toán tiếp theo. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, dự báo tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng, các chế độ, chính sách Trung ương dự kiến ban hành, trên cơ sở tổng thể dự toán thu, chi NSNN của cả nước, Bộ Tài chính sẽ cân đối và dự kiến giao dự toán thu, chi NSNN cho tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, trong giai đoạn 2024 – 2030, sau khi thảo luận dự toán thu, chi NSNN hàng năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm với Bộ Tài chính, trường hợp tỉnh Bình Thuận hội tụ đầy đủ những điều kiện để tự cân đối thu, chi ngân sách, UBND tỉnh sẽ báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh xem xét, quyết định thời điểm tỉnh Bình Thuận tự cân đối thu, chi ngân sách.
2. **Tổ chức thực hiện Đề án**
3. Về thu NSNN:
	1. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh nhằm tạo nguồn thu lớn, ổn định nội lực nền kinh tế của tỉnh:
		1. Triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Chương trình hành động của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tạo động lực để phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, cải thiện mội trường đầu tư, kinh doanh góp phần tăng thu NSNN.
		2. Về cơ chế chính sách của tỉnh:

- Căn cứ vào cơ chế, chính sách của Chính phủ, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh liên quan đến 03 trụ cột phát triển kinh tế tỉnh nhà, đó là công nghiệp (tập trung vào công nghiệp năng lượng), nông nghiệp (gắn với ứng dụng công nghệ cao, tạo chuỗi giá trị) và du lịch, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới kết hợp với tăng cường hiệu quả, hiệu lực tổ chức triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phấn đấu cải thiện các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI của tỉnh, qua đó tạo môi trường đầu tư lành mạnh, công bằng, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Rà soát các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của Trung ương và thẩm quyền của địa phương.

* + 1. Tập trung vào các khâu chủ yếu có tác động mạnh mẽ đến tăng thu NSNN:

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các Khu công nghiệp Tuy Phong, Sơn Mỹ 1 và Tân Đức, các Cụm công nghiệp Sông Bình, Nghĩa Hòa, Đông Hà, Nam Hà, Nam Hà 2, Nam Hà 3, Tân Bình 1, Nghị Đức nhằm sớm đưa các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư sản xuất để lắp đầy diện tích xây dựng theo hướng ưu tiên các nhà đầu tư có năng lực về tài chính trong và ngoài nước đầu tư ở các lĩnh vực tạo giá trị sản phẩm hàng hóa lớn, có nguồn thu lớn như dự án năng lượng, lắp ráp điện tử, sản xuất bia rượu, sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích các doanh nghiệp hiện có đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao,…

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; cải cách, đơn giản hóa thủ tục đầu tư, giải quyết nhanh gọn các thủ tục hành chính: thủ tục thuê đất, giao đất, quy hoạch, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực như thuế, đăng ký kinh doanh, đất đai,…tạo mọi điều kiện để các nhà đầu tư yên tâm đầu tư tại tỉnh Bình Thuận.

* 1. Quản lý, nuôi dưỡng và khai thác tốt các nguồn thu NSNN:

- Tập trung phát triển các nhóm ngành thế mạnh, lợi thế của tỉnh như: Đối với công nghiệp năng lượng nhất là năng lượng tái tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận đất đai, không gian biển để các dự án đầu tư điện mặt trời, điện gió ngoài khơi, điện khí hóa lỏng LNG, sản xuất năng lượng Hydrozen,...Cùng với năng lượng, ưu tiên phát triển các nhà máy chế biến sản phẩm công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tạo ra giá trị cao cho sản phẩm nông nghiệp tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tăng cường liên kết, tiếp thị quảng bá, nâng cao du lịch biển địa phương. Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất, chế biến, cung cấp dịch vụ nông nghiệp chất lượng, sạch, an toàn, có giá trị cao gắn với phát triển thị trường và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị và bảo vệ môi trường sinh thái...nhằm nâng dần tỷ trọng đóng góp thu ngân sách của các ngành kinh tế chủ lực cho NSĐP.

- Rà soát, đánh giá xác định toàn bộ nguồn khoáng sản hiện có trên địa bàn về chủng loại, trữ lượng, địa điểm để đưa vào quản lý theo danh mục; trên cơ sở đó, lập bản đồ quy hoạch tài nguyên khoáng sản trên địa bàn để phục vụ cho công tác quản lý thuế; thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan quản lý tài nguyên, xây dựng cơ chế quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với việc cấp phép khai thác và sử dụng tài nguyên một cách hợp lý tránh gây lãng phí và ảnh hưởng đến môi trường.

- Đẩy mạnh khai thác các nguồn thu từ quỹ đất theo hướng đấu giá, đấu thầu dự án, tiếp tục rà soát quỹ đất trên địa bàn, thực hiện tốt công tác đo đạc, thu hồi, giao, cho thuê đất, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc khai thác quỹ đất thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị; hoàn thành giá các loại đất trên địa bàn sát với giá thị trường. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư bất động sản đã được cấp phép và đang triển khai thực hiện để thu tiền sử dụng đất, chú trọng các dự án đã bồi thường và giải phóng mặt bằng xong; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ dự án triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật, để tạo nguồn thu cho NSNN.

- Thực hiện tốt chính sách quản lý đất đai và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại tất cả các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, kiên quyết xử lý thu hồi các dự án chậm triển khai, nhất là các trường hợp đầu cơ để chuyển nhượng.

* 1. Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế nhằm quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế:

- Tăng cường các hình thức tuyên truyền chính sách, pháp luật về thuế đến với các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân được biết và thực hiện; đặc biệt tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng mục đích ý nghĩa, quyền và nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp trong thực thi nghĩa vụ với NSNN. Đẩy mạnh dịch vụ công hỗ trợ người nộp thuế, hướng dẫn kịp thời, giải đáp các vướng mắc về các chính sách thuế và thủ tục kê khai để người nộp thuế hiểu rõ, tự giác thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Tập trung đẩy mạnh khai thác tăng thu từ các nguồn thu còn dư địa, tiềm năng (kinh doanh số, thương mại điện tử, hoạt động chuyển nhượng bất động sản, khai thác tài nguyên khoáng sản, năng lượng tái tạo, dịch vụ, công nghiệp,...). Kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, kiến nghị với UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp ở địa phương cùng phối hợp với cơ quan thuế để tăng cường quản lý thu, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu NSNN, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN hàng năm, tạo tiền đề thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

* 1. Giao Cục Thuế Bình Thuận thành lập Tổ công tác thu NSNN; theo đó, hàng năm phấn đấu thu vượt dự toán Trung ương giao từ 10% - 15% và phấn đấu tốc độ thu NSNN hàng năm tăng hơn 14%/năm.
	2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển phải xác định được ngành, lĩnh vực có khả năng tạo đột phát về nguồn thu NSNN cho những năm tiếp theo để tập trung nguồn lực đầu tư cho các ngành, lĩnh vực này.
1. Về chi NSĐP:
	1. Thực hiện dự toán chi NSĐP theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh giao; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách, ưu tiên chi đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, thiết yếu, triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các CTMTQG. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tạo động lực cho phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
	2. Rà soát tình hình thu NSNN, tình hình giải ngân vốn đầu tư công, tình hình tồn quỹ ngân sách, nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để cân nhắc, tính toán phương án phân bổ, điều chuyển vốn, bố trí vốn cho các công trình, dự án, nhiệm vụ… một cách khoa học, hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương, có trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển; chú ý các công trình giao thông quan trọng có ý nghĩa kết nối, tạo hiệu ứng lan tỏa; chỉnh trang đô thị, công trình cho sự nghiệp giáo dục (trường học, trang thiết bị dạy học), sự nghiệp y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, trang thiết bị y tế), thiết chế văn hóa ở cơ sở...
	3. Điều hành ngân sách linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp và các nhiệm vụ chi về lương, phụ cấp, chi cho con người, chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, tuân thủ theo đúng quy định; thực hiện nhiệm vụ chi theo đúng nguồn kinh phí được giao.
	4. Thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao, triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN...
	5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, nhất là đẩy mạnh tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần; xây dựng các chính sách nhằm tăng cường xã hội hóa; ưu tiên bố trí chi lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế có tốc độ tăng không thấp hơn các lĩnh vực khác; rà soát các khoản thu chưa phù hợp như: giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; học phí; giá dịch vụ y tế…để từ đó giảm dần mức hỗ trợ từ NSNN.

Trên đây là nội dung Đề án *“Phấn đấu tự cân đối thu, chi ngân sách tỉnh Bình Thuận đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030”*, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh kính trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: | **T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG**BÍ THƯ |
| - Như trên;- Thành viên Ban cán sự đảng UBND tỉnh;- Sở Tài chính;- Cục Thuế tỉnh;- Lưu: VT, TH, Hùng. | **Đoàn Anh Dũng** |